

Số: 0302/2026/CBTT-NESC

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)

I. Tổ chức công bố thông tin

- Tên Công ty Công ty TNHH Chứng khoán Kỷ Nguyên Mới (“Công ty”).
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 21/04/2008.
- Trụ sở chính Tầng 11, tòa Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (024) 7305 6800
- Người thực hiện công bố thông tin Bà Bùi Ngọc Tú - Người được ủy quyền công bố thông tin
- Loại thông tin công bố Bất thường Định kỳ Theo yêu cầu

II. Nội dung thông tin công bố

Ngày 21/01/2026, Công ty TNHH Chứng khoán Kỷ Nguyên Mới đã Công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán. Tuy nhiên, do sơ suất trong quá trình quét (scan) và tải (upload) tài liệu, chúng tôi đã bỏ sót Công văn giải trình biến động của Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2025 so với năm 2024. Bằng Công văn này, Chúng tôi xin bổ sung Công văn giải trình nêu trên. Theo đó, việc công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của chúng tôi gồm: Công văn công bố thông tin, Công văn giải trình biến động của Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2025 so với năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bản tiếng Việt và Tiếng Anh. (Chi tiết vui lòng xem file đính kèm).

Thông tin này và tài liệu có liên quan đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/02/2026 tại đường dẫn <https://nesc.com.vn/> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người thực hiện công bố thông tin



BUI NGOC TU

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
KỶ NGUYỄN MỚI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2101/2026/CV-NESC
(Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế
TNDN năm 2025 so với năm 2024)

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)

Thực hiện quy định tại Khoản 4, Điều 14 và Khoản 1, Điều 22 của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty TNHH Chứng khoán Kỷ Nguyễn Mới (“Công ty”) xin gửi giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 so với năm 2024 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2024: (1.869.885.324) VNĐ
- Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2025: 504.499.555 VNĐ
- Thay đổi: 126,97%

Nguyên nhân của sự tăng trưởng mạnh mẽ này đến từ việc Công ty đã triển khai các giải pháp đổi mới phương thức vận hành và chiến lược kinh doanh. Trong đó, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc toàn diện cơ cấu tổ chức, xây dựng và ban hành các quy chế, quy trình mới. Đặc biệt, Công ty chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng tư vấn và tính chủ động trong việc tìm kiếm, phát triển khách hàng của đội ngũ nhân viên. Việc tăng cường đào tạo, giao quyền và khuyến khích tinh thần chủ động đã giúp cán bộ, nhân viên tiếp cận khách hàng hiệu quả hơn, mở rộng tệp khách hàng và gia tăng doanh thu, qua đó góp phần cải thiện rõ rệt kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

2. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại: Tương tự mục 1 ở trên.

3. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại: Không có.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như trên;
- Lưu VT.

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
KỶ NGUYỄN MỚI**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Vân

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
TC CAPITAL VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hà Nội, tháng 01 năm 2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 18

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Bà Vũ Thanh Vân	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 13/11/2025)
	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/11/2025)
Ông Tommy Tan	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 13/11/2025)
Ông Lê Tiến Nam	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 04/11/2025)
Ông Ravi Chidambaram	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/11/2025)
Ông Nguyễn Hoàng Thái	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/11/2025)
Ông Đặng Quốc Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 04/11/2025)
Bà Bùi Ngọc Tú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04/11/2025)

Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Bà Vũ Thanh Vân	Bổ nhiệm ngày 13/11/2025
Ông Đặng Quốc Hùng	Miễn nhiệm ngày 13/11/2025

Kiểm soát viên

Bà Phan Hà Thu	Miễn nhiệm ngày 15/12/2025
----------------	----------------------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Vũ Thanh Vân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Số: 02 /2026/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 13/01/2026 và được trình bày từ trang 06 đến trang 18 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Tư vấn đầu tư chứng khoán TC Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3676-2026-055-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - CTCK
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13.179.496.229	13.333.474.388
I. Tài sản tài chính	110		12.621.850.358	13.157.268.974
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	1.855.917.353	13.157.268.974
1.1. Tiền	111.1		1.855.917.353	13.157.268.974
2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	9.000.000.000	-
3. Trả trước cho người bán	118	8	1.765.933.005	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		557.645.871	176.205.414
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	375.369.333	833.331
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		46.968.778	40.064.323
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	13	135.307.760	135.307.760
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.221.088.328	10.129.430
I. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	10	1.404.000.000	-
II. Tài sản dài hạn khác	250		817.088.328	10.129.430
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	11	510.840.000	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	9	306.248.328	10.129.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.400.584.557	13.343.603.818
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.603.535.726	51.054.542
I. Nợ ngắn hạn	310		1.603.535.726	51.054.542
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320	12	1.404.000.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	13	9.456.074	11.054.542
3. Phải trả người lao động	323		130.339.652	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		40.000.000	40.000.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329		19.740.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.797.048.831	13.292.549.276
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	13.797.048.831	13.292.549.276
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.879.456.000	20.879.456.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		20.823.458.000	20.823.458.000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		55.998.000	55.998.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(7.082.407.169)	(7.586.906.724)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(7.082.407.169)	(7.586.906.724)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		15.400.584.557	13.343.603.818

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005		9.490.463	9.636.304

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Khánh Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Ly

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Vân

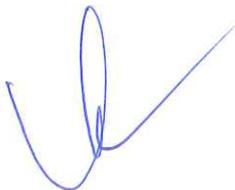
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	15	2.500.000.000	-
Cộng doanh thu hoạt động	20		2.500.000.000	-
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	16	240.726.087	-
Cộng chi phí hoạt động	40		240.726.087	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và	41		199.306	437.233
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2.280.065	3.038.256
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.479.371	3.475.489
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	17	1.578.180.642	1.873.360.813
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		683.572.642	(1.869.885.324)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Chi phí khác	72	18	179.073.087	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(179.073.087)	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		504.499.555	(1.869.885.324)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		504.499.555	(1.869.885.324)
X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	19	-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		504.499.555	(1.869.885.324)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Khánh Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Ly

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B03 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	504.499.555	(1.869.885.324)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	(199.306)	(3.475.489)
- Lãi / (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	(199.306)	(437.233)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07	-	(3.038.256)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	504.300.249	(1.873.360.813)
- Tăng (giảm) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(9.000.000.000)	-
- Tăng/giảm các khoản phải thu khác	39	(510.840.000)	800.000
- Tăng/giảm các tài sản khác	40	(6.904.455)	(7.406.000)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	42	(670.654.900)	260.516
- Tăng/giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	148.481.184	4.962.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(9.535.617.922)	(1.874.743.696)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(1.765.933.005)	-
2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	-	3.038.256
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(1.765.933.005)	3.038.256
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90	(11.301.550.927)	(1.871.705.440)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	13.157.268.974	15.028.537.181
Tiền	101.1	13.156.831.741	15.028.134.708
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	102	437.233	402.473
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	1.855.917.353	13.157.268.974
Tiền	103.1	1.855.718.047	13.156.831.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	104	199.306	437.233

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Khánh Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Ly



Tổng Giám đốc

TRUNG VŨ THANH VÂN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2024	Tại 01/01/2025	Năm 2024	Năm 2025	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025
	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở	20.879.456.000	20.879.456.000	-	-	20.879.456.000	20.879.456.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	20.823.458.000	20.823.458.000	-	-	20.823.458.000	20.823.458.000
1.2. Vốn khác của chủ sở hữu	55.998.000	55.998.000	-	-	55.998.000	55.998.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(5.717.021.400)	(7.586.906.724)	1.869.885.324	504.499.555	(7.586.906.724)	(7.082.407.169)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(5.717.021.400)	(7.586.906.724)	1.869.885.324	504.499.555	(7.586.906.724)	(7.082.407.169)
Cộng	15.162.434.600	13.292.549.276	1.869.885.324	504.499.555	13.292.549.276	13.797.048.831

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khánh Ly

Nguyễn Khánh Ly

Vũ Thanh Vân



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Chứng khoán TC Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/UBCK-GP ngày 21/04/2008 và các giấy phép điều chỉnh (giấy phép điều chỉnh gần nhất số 134/GPĐC-UBCK ngày 12/12/2025) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102734546 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/04/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31/12/2025.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Lô 6, tầng 1, Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điều lệ Công ty thay đổi ngày 15/12/2025.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.823.458.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty: Tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng.

Hạn chế đầu tư: Công ty tuân thủ hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành.

Cấu trúc công ty: Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Số lao động của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 14 người (Số lao động tại ngày 31/12/2024 là 7 người).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty có lãi khoảng 504,5 triệu đồng mặc dù lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2025 khoảng 7,082 tỷ đồng (tương ứng khoảng 33,92% vốn góp của chủ sở hữu). Theo kế hoạch đã được Hội đồng thành viên phê duyệt, Công ty sẽ thực hiện tăng vốn để đủ điều kiện mở rộng ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, đầu tư mua sắm tài sản cố định, chi trả lương nhân viên... (xem Thuyết minh số 22). Theo đó, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng vào việc duy trì hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ: các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Các tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hay nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

4.5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đã trả trước;
- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được Công ty phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan đến triển khai xây dựng phần mềm vận hành nhưng chưa hoàn thành. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với tài sản cố định bình thường, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh. Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.8. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn góp mà các thành viên góp vốn của công ty đã thực hiện góp.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm.

4.9. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi không kỳ hạn tính trên cơ sở các cam kết đối với khoản tiền gửi không cố định và lãi suất.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.10. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.11. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược quản trị rủi ro và phê duyệt chính sách, hạn mức rủi ro của Công ty. Tổng giám đốc phê duyệt quy trình quản trị rủi ro (bao gồm việc nhận diện, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý rủi ro) và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được nhân sự thuộc bộ phận quản trị rủi ro thực hiện.

Các hoạt động của Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ngoài ra, hoạt động của Công ty chịu một số rủi ro đặc thù riêng như: Rủi ro chiến lược, rủi ro pháp lý, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng...

Chi tiết một số rủi ro tài chính của Công ty như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sẽ thay đổi theo giá thị trường, phát sinh từ sự thay đổi lãi suất và tỷ giá ngoại tệ. Các công cụ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường như tiền gửi, thanh toán bằng ngoại tệ... Công ty giám sát rủi ro thị trường bằng cách phân tích và xây dựng công cụ thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà các đối tác hoặc khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Công ty dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh phát sinh từ các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính từ các khoản tiền gửi. Một số biện pháp quản trị rủi ro của Công ty như: yêu cầu khách hàng thanh toán trước theo từng giai đoạn của công việc hoặc đặt cọc một phần tiền hoặc trả tiền trước; lựa chọn ngân hàng uy tín để gửi tiền.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính, Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả các khoản nợ đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính có tính thanh khoản cao ở mức mà Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

6. TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền mặt	209	3.763.509
Tiền gửi ngân hàng	1.855.917.144	13.153.505.465
Cộng	<u>1.855.917.353</u>	<u>13.157.268.974</u>

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 8%/năm.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Trả trước cho người bán là khoản trả trước cho Chi nhánh - Công ty TNHH MTV Viễn thông quốc tế FPT liên quan đến hợp đồng mua sắm hệ thống thiết bị, phần mềm... phục vụ cho hoạt động của Công ty.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	375.369.333	833.331
Chi phí thuê văn phòng	374.616.000	-
Chi phí khác	753.333	833.331
Dài hạn	306.248.328	10.129.430
Công cụ dụng cụ	290.508.196	-
Các khoản khác	15.740.132	10.129.430
Cộng	<u>681.617.661</u>	<u>10.962.761</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẶNG

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Hệ thống phần mềm FLEX	1.404.000.000	-
Cộng	<u>1.404.000.000</u>	<u>-</u>

11. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC DÀI HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	510.840.000	-
Cộng	<u>510.840.000</u>	<u>-</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính	1.404.000.000	-
Cộng	1.404.000.000	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(135.307.760)	-	-	(135.307.760)
Thuế thu nhập cá nhân	11.054.542	42.549.109	44.147.577	9.456.074
Các loại thuế khác	-	180.500.000	180.500.000	-
Cộng	(124.253.218)	223.049.109	224.647.577	(125.851.686)
<i>Trong đó:</i>				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.054.542			9.456.074
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	135.307.760			135.307.760

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	20.823.458.000	55.998.000	(5.717.021.400)	15.162.434.600
Lỗi trong năm	-	-	(1.869.885.324)	(1.869.885.324)
Tại ngày 01/01/2025	20.823.458.000	55.998.000	(7.586.906.724)	13.292.549.276
Lãi trong năm	-	-	504.499.555	504.499.555
Tại ngày 31/12/2025	20.823.458.000	55.998.000	(7.082.407.169)	13.797.048.831

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Ông Đặng Quốc Hùng	-	-	4.164.691.600	20,00%
Ông Nguyễn Hoàng Thái	-	-	7.244.826.400	34,79%
Công ty TC Capital Advisory Limited	-	-	9.413.940.000	45,21%
Công ty TNHH HH Hồng Hà	7.244.826.400	34,79%	-	-
Công ty TNHH HN Hà Nội	13.578.631.600	65,21%	-	-
Cộng	20.823.458.000	100%	20.823.458.000	100%

15. DOANH THU NGHIỆP VỤ TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn	2.500.000.000	
Cộng	2.500.000.000	-

16. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí tiền lương	240.726.087	
Cộng	240.726.087	-

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.273.695.974	1.775.648.765
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	139.563.892	11.860.516
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.546.714	81.160.000
Chi phí khác	6.374.062	1.691.532
Cộng	1.578.180.642	1.873.360.813

18. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	177.530.442	-
Chi phí khác	1.542.645	-
Cộng	179.073.087	-

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	504.499.555	(1.869.885.324)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	177.768.369	(34.760)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	177.530.442	-
<i>Điều chỉnh: chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm nay</i>	(199.306)	(437.233)
<i>Điều chỉnh: chênh lệch tỷ giá đánh giá lại năm trước</i>	437.233	402.473
Thu nhập chịu thuế	682.267.924	(1.869.920.084)
Kết chuyển lỗ	682.267.924	-
Thu nhập tính thuế	-	(1.869.920.084)
Thuế suất	15%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Chuyển lỗ sang các năm sau

Công ty được phép chuyển lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 5.755.826.177 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 6.438.094.101 đồng) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2025
		VND	VND	VND	VND
Năm 2021	Năm 2026	1.212.726.367	682.267.924	-	530.458.443
Năm 2022	Năm 2027	1.683.544.094	-	-	1.683.544.094
Năm 2023	Năm 2028	1.671.903.556	-	-	1.671.903.556
Năm 2024	Năm 2029	1.869.920.084	-	-	1.869.920.084
Cộng		6.438.094.101	682.267.924	-	5.755.826.177

(*) Lỗ thuế ghi nhận theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê văn phòng như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Đến 1 năm	2.247.696.000	-
Trên 1 - 5 năm	8.565.084.000	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	10.812.780.000	-

21. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thành viên của Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc, Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Không còn là bên liên quan kể từ ngày 04/11/2025	
Công ty TC Capital Advisory Limited	Thành viên góp vốn
Ông Nguyễn Hoàng Thái	Thành viên góp vốn
Ông Đặng Quốc Hùng	Thành viên góp vốn
Công ty TNHH Hoàng Thành Capital & Partners	Chung thành viên góp vốn - Ông Đặng Quốc Hùng
Là bên liên quan từ ngày 04/11/2025	
Công ty TNHH HN Hà Nội	Công ty mẹ sở hữu 65,21% vốn của TC Capital
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Đầu tư HC	Công ty mẹ sở hữu 100% vốn của Công ty TNHH HN Hà Nội
Công ty TNHH HH Hồng Hà	Thành viên góp vốn sở hữu 34,79% vốn của TC Capital
Công ty TNHH Sông Hương Việt Nam	Công ty mẹ sở hữu 100% vốn của Công ty TNHH HH Hồng Hà
Công ty TNHH Tú Vy Law	Bên liên quan của Hội đồng thành viên - Bà Bùi Ngọc Tú

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Trong năm, Công ty không có giao dịch với bên liên quan ngoài tiền lương, tiền thưởng của Tổng Giám đốc như sau:

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thu nhập của Tổng giám đốc			
Bà Vũ Thanh Vân	Bổ nhiệm ngày 13/11/2025	61.600.000	-
Ông Đặng Quốc Hùng	Miễn nhiệm ngày 13/11/2025	514.800.000	496.800.000

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 13/11/2025, Hội đồng thành viên đã thông qua Nghị quyết số 04.1311/NQ-HĐTV về phương án tăng vốn điều lệ nhằm sử dụng cho việc đầu tư cơ sở vật chất, chi phí chung của Công ty và bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư, tự doanh chứng khoán và Nghị quyết số 05.1311/NQ-HĐTV về việc thay đổi tên và địa điểm đặt trụ sở chính. Theo đó, vốn điều lệ sau khi tăng thêm là 110.000.000.000 đồng, hình thức góp vốn là các thành viên góp vốn bằng chuyển khoản, thời hạn góp vốn là sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc tăng vốn. Ngày 06/01/2026, Công ty đã nhận được công văn số 46/UBCK-QLKD của Ủy Ban chứng khoán nhà nước về việc đã nhận được hồ sơ đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, các thành viên đã góp đủ vốn theo Nghị quyết và Công ty đang làm thủ tục để thực hiện thay đổi giấy phép hoạt động và đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật liên quan đến thay đổi vốn điều lệ, tên và địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty.

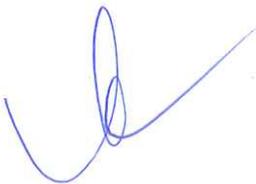
Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2026

Người lập



Nguyễn Khánh Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Khánh Ly

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Vân

TC CAPITAL VIETNAM SECURITIES INVESTMENT CONSULTANCY CO., LTD

AUDITED FINANCIAL STATEMENTS
For the year ended 31 December 2025

Hanoi, January 2026



TABLE OF CONTENTS

<u>CONTENTS</u>	PAGES
STATEMENT OF GENERAL DIRECTOR	2 - 3
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	4 - 5
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION	6
OFF- STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS	6
STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME	7
STATEMENT OF CASH FLOW	8
STATEMENT OF CHANGE IN EQUITY	9
NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS	10 - 18

STATEMENT OF GENERAL DIRECTOR

General Director of TC Capital Vietnam Securities Investment Consultancy Co., Ltd ("the Company") presents this report together with the Company's audited financial statements for the year ended 31 December 2025.

MEMBERS' COUNCIL AND GENERAL DIRECTOR

Members of the Members' Council and General Director of the Company who executed the Company during the year ended 31 December 2025 and to the date of this report are as follows:

Members' Council

Mrs. Vu Thanh Van	Chairwoman (Appointed on 13 November 2025)
	Member (Appointed on 04 November 2025)
Mr. Tommy Tan	Chairman (Resigned on 13 November 2025)
Mr. Le Tien Nam	Vice chairman (Resigned on 04 November 2025)
Mr. Ravi Chidambaram	Member (Resigned on 04 November 2025)
Mr. Nguyen Hoang Thai	Member (Resigned on 04 November 2025)
Mr. Dang Quoc Hung	Member (Resigned on 04 November 2025)
Mrs. Bui Ngoc Tu	Member (Appointed on 04 November 2025)

General Director - Legal representative

Mrs. Vu Thanh Van	Appointed on 13 November 2025
Mr. Dang Quoc Hung	Resigned on 13 November 2025

Supervisory Officer

Mrs. Phan Ha Thu	Resigned on 15 December 2025
------------------	------------------------------

General Director's responsibility

General Director of the Company is responsible for preparing the financial statements for the year ended 31 December 2025, which give a true and fair view of the financial position, business results, cash flows and changes in equity of the Company for the year. In preparing these financial statements, General Director is required to:

- Comply with Vietnamese Accounting Standards, Enterprise Accounting System, accounting guidance applicable to security companies issued in pursuance of Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of Ministry of Finance and the relevant statutory requirements applicable to the preparation and presentation of the financial statements;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material misstated applications which need to be disclosed and explained in the financial statements;
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of proper preparation and presentation of the financial statements so as to minimize errors and frauds; and
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.

General Director of the Company is responsible for ensuring that accounting books are properly recorded to disclose the financial position of the Company reasonably at any time and the financial statements are prepared and presented in compliance with Vietnamese Accounting Standards, Enterprise Accounting System, accounting guidance applicable to security companies issued in pursuance of Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of Ministry of Finance and relevant statutory requirements to the preparation and presentation of the financial statements. General Director is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable methods to prevent and detect fraud and other irregularities.

No: 02 /2026/BCKT-AVI-TC1

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **The Members' Council and General Director
TC Capital Vietnam Securities Investment Consultancy Co., Ltd**

We have audited the accompanying financial statements of TC Capital Vietnam Securities Investment Consultancy Co., Ltd ("the Company") prepared on 13 January 2026 and set out from pages 06 to 18, which comprise statement of financial position as at 31 December 2025, statement of comprehensive income, statement of cash flows, the statement of changes in equity for the year then ended and the Notes to the financial statements.

General Director's Responsibilities

General Director of the Company is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Enterprise Accounting System, accounting guidance applicable to security companies issued in pursuance of Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of Ministry of Finance and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of financial statements and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese standards on auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and standards of professional conduct, plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatements.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidences we have obtained are sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 31 December 2025

FORM B01-CTCK
Unit: VND

ITEMS	Code	Notes	31/12/2025	01/01/2025
A - CURRENT ASSETS	100		13,179,496,229	13,333,474,388
I. Financial assets	110		12,621,850,358	13,157,268,974
1. Cash and cash equivalents	111	6	1,855,917,353	13,157,268,974
1.1. Cash	111.1		1,855,917,353	13,157,268,974
2. Held-to-maturity investments (HTM)	113	7	9,000,000,000	-
3. Advances to suppliers	118	8	1,765,933,005	-
II. Other current assets	130		557,645,871	176,205,414
1. Short-term prepaid expenses	133	9	375,369,333	833,331
2. Deductible value added tax	135		46,968,778	40,064,323
3. Taxes and other receivables from the State Budget	136	13	135,307,760	135,307,760
B - NON-CURRENT ASSETS	200		2,221,088,328	10,129,430
I. Construction in progress	240	10	1,404,000,000	-
II. Other long-term assets	250		817,088,328	10,129,430
1. Long-term deposits, collaterals and pledges	251	11	510,840,000	-
2. Long-term prepaid expenses	252	9	306,248,328	10,129,430
TOTAL ASSETS	270		15,400,584,557	13,343,603,818
C - LIABILITIES	300		1,603,535,726	51,054,542
I. Current liabilities	310		1,603,535,726	51,054,542
1. Short-term payables to suppliers	320	12	1,404,000,000	-
2. Taxes and other obligations to the State Budget	322	13	9,456,074	11,054,542
3. Payables to employees	323		130,339,652	-
4. Short-term accrued expenses	325		40,000,000	40,000,000
5. Other current payables	329		19,740,000	-
D - OWNERS' EQUITY	400		13,797,048,831	13,292,549,276
I. Owners' equity	410	14	13,797,048,831	13,292,549,276
1. Contributed capital	411		20,879,456,000	20,879,456,000
1.1. Owners' contributed capital	411.1		20,823,458,000	20,823,458,000
1.2. Other owners' capital	411.4		55,998,000	55,998,000
2. Retained earnings	417		(7,082,407,169)	(7,586,906,724)
2.1. Realized retained earnings	417.1		(7,082,407,169)	(7,586,906,724)
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	440		15,400,584,557	13,343,603,818

OFF-STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS

ITEMS	Code	Notes	31/12/2025	01/01/2025
A. ASSETS OF THE COMPANY AND ASSETS MANAGED UNDER AGREEMENTS				
1. Foreign currencies	005		9,490,463	9,636,304

Hanoi, 13 January 2026

Preparer

Nguyen Khanh Ly

Chief Accountant

Nguyen Khanh Ly

General Director



Vu Thanh Van

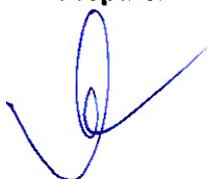
STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME
For the year ended 31 December 2025

FORM B02 - CTCK
Unit: VND

ITEMS	Code	Notes	Year 2025	Year 2024
I. OPERATING REVENUES				
1.1. Revenue from securities investment advisory services	08	15	2,500,000,000	-
Total operating revenues	20		2,500,000,000	-
II. OPERATING EXPENSES				
2.1. Cost of securities investment advisory services	29	16	240,726,087	-
Total operating expenses	40		240,726,087	-
III. FINANCIAL INCOMES				
3.1. Realized and unrealized foreign exchange gain	41		199,306	437,233
3.2. Revenue, accrued dividends received, interest from deposit account	42		2,280,065	3,038,256
Total financial incomes	50		2,479,371	3,475,489
IV. FINANCIAL EXPENSES				
Total financial expenses	60		-	-
V. SELLING EXPENSES	61		-	-
VI. ADMINISTRATIVE EXPENSES OF THE COMPANY	62	17	1,578,180,642	1,873,360,813
VII. NET OPERATING PROFIT/LOSS	70		683,572,642	(1,869,885,324)
VIII. OTHER INCOMES AND OTHER EXPENSES				
8.1. Other expense	72	18	179,073,087	-
Other profit/(loss)	80		(179,073,087)	-
IX. NET PROFIT/(LOSS) BEFORE TAX	90		504,499,555	(1,869,885,324)
9.1. Realized profit/loss	91		504,499,555	(1,869,885,324)
X. CORPORATE INCOME TAX EXPENSES	100		-	-
10.1. Current corporate income tax expense	100.1	19	-	-
XI. NET PROFIT/(LOSS) AFTER CORPORATE	200		504,499,555	(1,869,885,324)
XII. OTHER COMPREHENSIVE PROFIT (LOSS) AFTER CORPORATE INCOME TAX	300		-	-
Total of comprehensive income	400		-	-

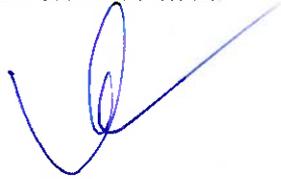
Hanoi, 13 January 2026

Preparer



Nguyen Khanh Ly

Chief Accountant



Nguyen Khanh Ly

General Director



CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
TC CAPITAL
VIỆT NAM
HAI BÀ TRUNG T.P. HÀ NỘI

Vu Thanh Van

STATEMENT OF CASH FLOWS
(Indirect method)
For the year ended 31 December 2025

FORM B03 - CTCK
Unit: VND

ITEMS	Code	Year 2025	Year 2024
I. Cash flows from operating activities			
1. Profit/loss before tax	01	504,499,555	(1,869,885,324)
2. Adjustments for	02	(199,306)	(3,475,489)
- Unrealised foreign exchange gains/(losses)	05	(199,306)	(437,233)
- Gains from investing activities	07	-	(3,038,256)
3. Operating income before changes in working capital	30	504,300,249	(1,873,360,813)
- Increase (decrease) in held to maturity investments (HTM)	32	(9,000,000,000)	-
- Increase/decrease in other receivables	39	(510,840,000)	800,000
- Increase/decrease in other assets	40	(6,904,455)	(7,406,000)
- Increase/decrease in prepaid expenses	42	(670,654,900)	260,516
- Increase/decrease in taxes and other payables to State Budget (excluding CIT payable)	47	148,481,184	4,962,601
Net cash flows from operating activities	60	(9,535,617,922)	(1,874,743,696)
II. Cash flows from investing activities			
1. Purchase and construction of fixed assests, investment properties and other long-term assests	61	(1,765,933,005)	-
2. Dividends and profit from long-term investments received	65	-	3,038,256
Net cash flows from investing activities	70	(1,765,933,005)	3,038,256
III. Cash flows from financing activities			
Net cash flows from financing activities	80	-	-
IV. Net cash flows during the year	90	(11,301,550,927)	(1,871,705,440)
V. Cash and cash equivalents at the beginning of the year	101	13,157,268,974	15,028,537,181
Cash	101.1	13,156,831,741	15,028,134,708
Impacts of foreign exchange difference	102	437,233	402,473
VI. Cash and cash equivalents at the ending of the year	103	1,855,917,353	13,157,268,974
Cash	103.1	1,855,718,047	13,156,831,741
Impacts of foreign exchange difference	104	199,306	437,233

Hanoi, 13 Januray 2026

Preparer



Nguyen Khanh Ly

Chief Accountant



Nguyen Khanh Ly

General Director



Vu Thanh Van

TC CAPITAL VIETNAM SECURITIES INVESTMENT CONSULTANCY CO., LTD

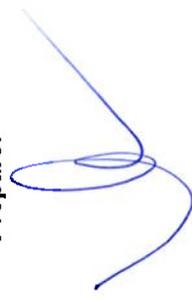
STATEMENT OF CHANGES IN EQUITY

As at 31 December 2025

FORM B04 - CTCK
Unit: VND

ITEMS	Opening balance		Increase/Decrease		Closing balance	
	01/01/2024	01/01/2025	Year 2024	Year 2025	31/12/2024	31/12/2025
	Increase	Decrease	Increase	Decrease	Increase	Decrease
1. Contributed capital	20,879,456,000	20,879,456,000	-	-	20,879,456,000	20,879,456,000
1.1. Owners' contributed capital	20,823,458,000	20,823,458,000	-	-	20,823,458,000	20,823,458,000
1.2. Other owners' capital	55,998,000	55,998,000	-	-	55,998,000	55,998,000
2. Retained earnings	(5,717,021,400)	(7,586,906,724)	1,869,885,324	504,499,555	(7,586,906,724)	(7,082,407,169)
2.1. Realized retained earnings	(5,717,021,400)	(7,586,906,724)	1,869,885,324	504,499,555	(7,586,906,724)	(7,082,407,169)
Total	15,162,434,600	13,292,549,276	1,869,885,324	504,499,555	13,292,549,276	13,797,048,831

Preparer



Nguyen Khanh Ly

Chief Accountant



Nguyen Khanh Ly

Hanoi, 13 January 2026

General Director



Yu Thanh Van



1. GENERAL INFORMATION

TC Capital Vietnam Securities Investment Consultancy Co., Ltd. was established under License for establishment and operation No. 91/UBCK-GP dated 21 April 2008 and amended license (the latest amended license No. 134/GPĐC-UBCK dated 12 December 2025) issued by the State Securities Commission of Vietnam. The Company operates under the Business Registration No. 0102734546 by Hanoi Authority For Planning and Investment dated 21 April 2028 and amended for the 8th change on 31 December 2025.

The Company head office is Suite 6, 1st Floor, Hoang Thanh Tower, 114 Mai Hac De, Hai Ba Trung Ward, Hanoi.

The Company's charter was amended on 15 December 2025.

The Company's charter capital is: VND 20,823,458,000.

The principal activity of the Company is securities investment advisory services.

Investment restrictions: The Company is required to comply with Article 28 of Circular No. 121/2020/TT-BTC dated 31 December 2020 by the Ministry of Finance providing guidance on operation of securities companies.

Company structure: The Company has no subsidiaries, joint ventures, associates, dependent units without legal entity status accounted for on a dependent basis

The number of employees of the Company as at 31 December 2025 was 14 people (The number of employees as at 31 December 2024 was 7 people).

2. FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

The Company's fiscal year begins on 1 January and ends on 31 December based on calendar year.

The currency unit used in accounting period: Vietnamese Dong (VND).

3. ACCOUNTING STANDARDS AND ACCOUNTING SYSTEM APPLIED

The financial statements are expressed in Vietnamese Dong (VND) and prepared under the accounting principles in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Enterprise Accounting System, accounting guidance applicable to security companies issued in pursuance of the Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 and Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 amending, supplementing and replacing Annexes 02 and 04 of Circular No. 210/2014/TT-BTC of The Ministry of Finance on accounting applicable for securities companies, the Vietnamese Accounting Standards and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES**4.1. Basis of preparation of financial statements**

The financial statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

During 2025, the Company recorded a profit of approximately VND 504.5 million and as at 31 December 2025, the accumulated losses was VND 7.082 billion (equivalent to 33.92% of the owner's equity). According to the plan approved by the Members' Council, the Company will increase its capital to meet the legal requirement for expanding its business lines, purchase fixed assets, pay employee salaries... (see Note 22). Accordingly, the Members' Council and the General Director are confident in the Company's ability to continue its operations in the future.

4.2. Accounting estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Enterprise Accounting System, accounting guidance applicable to security companies issued in pursuance of the Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 and Circular No.

334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting requires the management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the operating period. Actual results could differ from those estimates.

4.3. Cash and cash equivalent

Cash reflects the full existing amount of the Company at the end of the accounting year, comprising cash on hand, demand deposits and cash in transit.

Cash equivalents include short-term investments with maturity less than 03 months since the date of investment, which can be converted easily into a certain amount of cash without any risk in conversion into cash at the reporting date.

4.4. Held-to-maturity investments (HTM)

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and a fixed maturity that the Company has the positive intention and ability to hold to maturity, other than: those that the Company on initial recognition classified as at FVTPL; those that the Company classified as available-for-sale and those that meet the definition of loans and receivables.

Held-to-maturity investments are recognised initially at acquisition cost plus transaction costs which are directly attributable to the investments such as brokerage fees, transaction costs, information costs, charges, and bank fees.

HTM financial assets are subject to an assessment of impairment at the statement of financial position dated. An impairment provision is recognised when there is any objective evidence that the investment is irrecoverable, or there is uncertainty of recoverability, resulting from one or more events that have occurred and have an adverse impact on the estimated future cash flows of the held-to-maturity investments.

4.5. Prepaid expenses

Prepaid expenses represent actual costs incurred, including office rental expenses, the value of tools and equipment use, and other prepaid expenses serving the business operations of multiple accounting periods . In which:

- Office rental expenses are allocated on a straight-line basis over the prepaid rental period;
- The value of tools and equipment put into use is allocated over a period not exceeding three (03) years for long-term prepaid expenses and not exceeding one (01) year for short-term prepaid expenses.

The Company classifies prepaid expenses as short-term or long-term based on the prepaid period under the contract or the allocation period of each type of expense and does not reclassify them at the reporting date.

4.6. Construction in progress

Construction in progress is recognised at cost and reflects costs incurred in connection with the development and implementation of operational software which have not been fully installed. Depreciation of these assets is applied in the same manner as for other fixed assets, when the assets are in the condition necessary for their intended use.

4.7. Liabilities

Liabilities include payables related to securities trading activities, trade payables, accrued expenses, and other payables.

Payables related to securities trading activities represent amounts payable in respect of operating fees arising from business activities. Trade payables represent amounts payable to suppliers for the purchase of goods and services under executed economic contracts.

Accrued expenses are recognised based on reasonable estimates of the Company's operating costs for the purpose of fully recognising expenses in the accounting period when invoices or sufficient supporting documents have not yet been received.

Liabilities are recognised at no less than the amount required to settle the obligation. When there is evidence that a loss is probable, the Company recognises a liability in accordance with the prudence principle.

4.8. Owners' equity

Owners' capital investment

Owners' contributed capital is capital contribution that the Company's members have contributed.

Undistributed profit

Realized profit during the year is the net difference between the total revenue, income and the total expenses that calculated on the Separate Income statement of the Company.

4.9. Revenue recognition

Revenue is recognised to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of receipts or receivables less trade discount, rebate and sales return.

Interest income from financial assets

Interest income from financial assets is recognised on an accrual basis (taking into account the yield generated by the assets), unless the collectability of the interest is uncertain.

Revenue from securities investment advisory

Revenue from securities investment advisory is recognised in the statement of profit or loss based on the stage of completion at the end of the accounting period. The stage of completion is determined by reference to the work performed.

Revenue from financial activities includes: comprises non-term deposit interest; gains from foreign exchange differences ... Detailed as follows:

- Interest income on non-term deposits, calculated based on the commitments applicable to non-term deposits and the applicable interest rates
- Foreign exchange differences reflect profit from the actual exchange differences of arising transactions denominated in foreign currencies during the period and profit from the exchange differences due to the translation of monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date.

4.10. Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax. The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognized on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled or the asset realized. Deferred tax is charged or credited to profit or loss in the income

statement, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in this case, the deferred tax is also recorded directly to equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the taxes borne by the Company is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

4.11. Nil balances

Items or balances required by Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance that are not shown in these financial statements indicate nil balances.

4.12. Related parties

The parties are regarded as related parties of the Company if they have the ability to control or exercise significant influence over the Company in making financial and operating decisions or have the same key management personnel or jointly managed by another company.

Individuals with the direct or indirect voting rights can impact significantly to the Company, including close family members of these individuals (parents, spouses, children, siblings).

Key management personnel have authority and responsibility for planning, managing and controlling the operation of the Company: the directors, the managers of the Company and close family members of these individuals.

The companies managed by these individuals mentioned above with direct or indirect voting rights or through these rights they can have a significant impact on the Company, including the companies owned by the leaders or major shareholders of the Company and the companies have the same key management personnel.

5. FINANCIAL RISK MANAGEMENT

The Members' Council is responsible for establishing the risk management strategy and approving the Company's risk policies and limits. The General Director approves the risk management processes (including the risk identification, measurement, monitoring, reporting and mitigation) and risk prevention strategies. Risk management activities are carried out by personnel within the risk management department.

The Company's operations are subject to market risk, credit risk, and liquidity risk. In addition, the Company is exposed to several other specific risks, including strategic risk, legal risk, operational risk and reputational risk...

Details of the Company's financial risks are as follows:

Market risk

Market risk is the risk that the fair value of financial instruments will fluctuate due to changes in market prices, arising from movements in interest rates and foreign exchange rates. Financial instruments affected by market risk include deposits and foreign-currency-denominated payments. The Company monitors market risk by performing analyses and developing tools to regularly track, assess, and measure market volatility.

Credit risk

Credit risk is the risk that counterparties or customers fail to fulfill their obligations to the Company, resulting in financial losses. The Company is exposed to credit risk arising from its business activities through trade receivables and from its financial activities through bank deposits. The Company's credit risk management measures include: requiring customers to make advance payments in

accordance with work progress, requesting partial deposits or prepayments; selecting reputable banks for placing deposits.

Liquidity risk

Liquidity risk is the risk that the Company may encounter difficulties in meeting its financial obligations, including the inability to settle liabilities as they fall due, primarily due to mismatches between the maturities of assets and liabilities. The Company manages liquidity risk by maintaining an appropriate level of cash, cash equivalents, and highly liquid financial assets, which management considers sufficient to support the Company's operations and to mitigate the impact of cash flow fluctuations.

6. CASH

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Cash on hand	209	3,763,509
Cash at banks	1,855,917,144	13,153,505,465
Total	<u>1,855,917,353</u>	<u>13,157,268,974</u>

7. HELD-TO-MATURITY INVESTMENTS

Held-to-maturity investment is a 6-month term deposit at Tien Phong Joint Stock Bank with interest rates of 8% per annum.

8. ADVANCES TO SUPPLIERS

Advances to suppliers represent advance payments made to the Branch of FPT International Telecom One Member Limited Liability Company in relation to contracts for the procurement of equipment systems, software, and other items serving the Company's operations.

9. PREPAID EXPENSES

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Short-term	375,369,333	833,331
Prepaid office rent expense	374,616,000	-
Others	753,333	833,331
Long-term	306,248,328	10,129,430
Tools and supplies	290,508,196	-
Others	15,740,132	10,129,430
Total	<u>681,617,661</u>	<u>10,962,761</u>

10. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
FLEX software system	1,404,000,000	-
Total	<u>1,404,000,000</u>	<u>-</u>

11. LONG-TERM DEPOSITS, COLLATERALS AND PLEDGES

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Office rental deposit	510,840,000	-
Total	<u>510,840,000</u>	<u>-</u>

12. TRADE PAYABLES

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Financial Software Solutions JSC	1,404,000,000	-
Total	1,404,000,000	-

13. TAXES AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	01/01/2025	Payable during the year	Paid during the year	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Corporate income tax	(135,307,760)	-	-	(135,307,760)
Personal income tax	11,054,542	42,549,109	44,147,577	9,456,074
Other taxes and fees	-	180,500,000	180,500,000	-
Total	(124,253,218)	223,049,109	224,647,577	(125,851,686)

In which:

- Taxes and other payable to the State Budget	11,054,542	9,456,074
- Taxes and other receivable from the State Budget	135,307,760	135,307,760

14. OWNER'S EQUITY

Movements in owner's equity

	Owners' contributed capital	Other owners' capital	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND
As at 01/01/2024	20,823,458,000	55,998,000	(5,717,021,400)	15,162,434,600
Loss for the year	-	-	(1,869,885,324)	(1,869,885,324)
As at 01/01/2025	20,823,458,000	55,998,000	(7,586,906,724)	13,292,549,276
Profit for the year	-	-	504,499,555	504,499,555
As at 31/12/2025	20,823,458,000	55,998,000	(7,082,407,169)	13,797,048,831

Owner's equity in details

	31/12/2025		01/01/2025	
	Contributed capital	Rate	Contributed capital	Rate
	VND	%	VND	%
Mr. Dang Quoc Hung	-	-	4,164,691,600	20.00%
Mr. Nguyen Hoang Thai	-	-	7,244,826,400	34.79%
TC Capital Advisory Limited	-	-	9,413,940,000	45.21%
HH Hong Ha Company Limited	7,244,826,400	34.79%	-	-
HN Ha Noi Company Limited	13,578,631,600	65.21%	-	-
Total	20,823,458,000	100%	20,823,458,000	100%

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying financial statements

15. REVENUE FROM SECURITIES INVESTMENT ADVISORY SERVICES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Revenue form consulting service	2,500,000,000	-
Total	2,500,000,000	-

16. COST OF SECURITIES INVESTMENT ADVISORY SERVICES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Salary expenses	240,726,087	-
Total	240,726,087	-

17. ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Staff expenses	1,273,695,974	1,775,648,765
Material, stationary expenses	139,563,892	11,860,516
Tax, fees and other charges	4,000,000	3,000,000
Outsourcings services expenses	154,546,714	81,160,000
Other expenses	6,374,062	1,691,532
Total	1,578,180,642	1,873,360,813

18. OTHER EXPENSE

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Administrative fine and late tax payment interest	177,530,442	-
Others	1,542,645	-
Total	179,073,087	-

19. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Net profit before tax	504,499,555	(1,869,885,324)
Adjustment for taxable income	177,768,369	367,713
<i>Add: Non-deductible expenses</i>	177,530,442	-
<i>Adjust: Unrealised foreign exchange this year</i>	(199,306)	(437,233)
<i>Adjust: Unrealised foreign exchange last year</i>	437,233	402,473
Taxable profit	682,267,924	(1,869,517,611)
Tax loss carry forward	682,267,924	-
Taxable income	-	(1,869,517,611)
Tax rate	15%	20%
Current corporate income tax	-	-

Tax losses carried forward

The Company is entitled to carry each individual tax losses forward to offset against taxable profits arising within five consecutive years to the year in which the loss was incurred. As at 31 December 2025, the Company had the tax losses of VND 5,755,826,177 (as at 31 December 2024: VND 6,438,094,101) available for offset against future taxable profits. Details are as follows:

Originating period	Can be utilized up to	Tax loss amount (*)	Utilized up to 31 December 2025	Forfeited	Unutilized at 31 December 2025
		VND	VND	VND	VND
2021	2026	1,212,726,367	682,267,924	-	530,458,443
2022	2027	1,683,544,094	-	-	1,683,544,094
2023	2028	1,671,903,556	-	-	1,671,903,556
2024	2029	1,869,920,084	-	-	1,869,920,084
Total		6,438,094,101	682,267,924	-	5,755,826,177

(*) Estimated tax loss as per the Company's CIT declaration has not been audited by the local tax authorities as of the date of these financial statements.

No deferred tax assets were recognised in respect of the above tax losses because future taxable profit cannot be ascertained at this stage.

20. OPERATING LEASE COMMITMENTS

The Company leases office under operating lease arrangements. As at 31 December 2025, the committed future rental payments under the operating lease agreements are as follows:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Less than 1 year	2,247,696,000	-
More than 1 to 5 years	8,565,084,000	-
More than 5 years	-	-
Total	10,812,780,000	-

21. RELATED PARTY DISCLOSURES

The Company has related parties as follow:

Related party	Relationship
No longer a related party since 04 November 2025	
TC Capital Advisory Limited	Members contribute capital
Mr. Nguyen Hoang Thai	Members contribute capital
Mr. Dang Quoc Hung	Members contribute capital
Hoang Thanh Capital & Partners Company Limited	Same stakeholder - Mr. Dang Quoc Hung
Became a related party from 04 November 2025	
HN Ha Noi Company Limited	The parent company owns 65.21% of TC Capital's capital
HC Investment Consulting and Trading Company Limited	The parent company owns 100% of the capital of HN Ha Noi Company Limited
HH Hong Ha Company Limited	The contributing member owns 34.79% of TC Capital's capital
Song Huong Viet Nam Company Limited	The parent company owns 100% of the capital of HH Hong Ha Company Limited
Tu Vy Law Company Limited	Related party of Members' Council - Mrs. Bui Ngoc Tu

During the year, the Company had no transactions with related parties other than the salary and bonuses of the General Director as follows:

		Year 2025	Year 2024
		VND	VND
Remuneration for General director			
Mrs. Vu Thanh Van	Appointed on 13 November 2025	61,600,000	-
Mr. Dang Quoc Hung	Resigned on 13 November 2025	514,800,000	496,800,000

22. SUBSEQUENT EVENTS

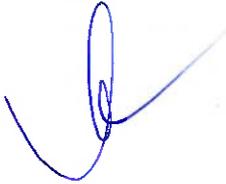
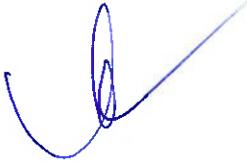
On 13 November 2025, the Members' Council approved Resolution No. 04.1311/NQ-HĐTV on the plan to increase charter capital for the purposes of investing in facilities, covering the Company's general operating expenses and supplementing capital for investment and proprietary securities trading activities, as well as Resolution No. 05.1311/NQ-HĐTV on the change of the Company's name and the location of its head office. Accordingly, the charter capital after the increase will be VND 110,000,000,000. Capital contributions will be made by the members via bank transfers, and the contribution period will commence after obtaining approval from the State Securities Commission of Vietnam. On 6 January 2026, the Company received Official Letter No. 46/UBCK-QLKD from the State Securities Commission of Vietnam confirming the receipt of the Company's application dossier for the registration of charter capital increase. As at the date of issuance of these financial statements, the members have fully contributed the capital as stipulated in the Resolution and the Company is in the process of amending its operating license and business registration in accordance with applicable regulations in relation to the changes in its charter capital, name and head office location.

Apart from the above-mentioned event, no significant events occurring after the end of the accounting period that requires adjustments or disclosures on the financial statements for the fiscal year ended 31 December 2025.

23. COMPARATIVE FIGURES

Comparative figures are the financial statements for the year ended 31 December 2024 which were audited.

Hanoi, 13 January 2026

<p>Preparer</p>  <hr/> <p>Nguyen Khanh Ly</p>	<p>Chief Accountant</p>  <hr/> <p>Nguyen Khanh Ly</p>	<p>General Director</p>  <hr/> <p>Vu Thanh Van</p>
--	--	---